ENGLISH 8_UNIT 6_ Speak

Asking for favors (1) (Yêu cầu người khác giúp đỡ)	Responding to favors (2) (Trả lời lại lời yêu cầu giúp đỡ)
Can/Could you (1)..... me, please? *Bạn có thể vui lòng giúp tôi được không?* Could you do me a (2)..... ? *Bạn có thể giúp tôi được không?* I (3)..... a favor. *Tôi cần giúp đỡ.* Can/Could you + Vo..? *Bạn có thể ... ?*	Certainly/ Of (4)..... / Sure. *Chắc chắn rồi.* No problem. *Không thành vấn đề.* What can I (5).....for you? *Tôi có thể làm gì cho bạn?* How can I (6)..... you? *Tôi có thể giúp bạn như thế nào?* I'm sorry. I'm really busy studying./ I have to go now. *Tôi xin lỗi. Tôi thật sự rất bận học/ Tôi phải đi bây giờ*
Offering assistance(3) (Đề nghị giúp đỡ người khác)	**Responding to assistance(4)** (Đáp lại lời đề nghị giúp đỡ)
(7)..... I help you? *Tôi có thể giúp bạn không?* Do you need any (8)..... ? *Bạn có cần giúp đỡ không?* (9)..... me help you. *Hãy để tôi giúp bạn.*	Yes/No. Thank you. *Có/ Không. Cảm ơn.* Yes. That's very (10)..... of you. *Có. Bạn thật tốt bụng.* No. Thank you. I'm fine. *Không. Cảm ơn. Tôi ổn*

Choose the most suitable words or phrases to fill in the blanks.

1. It's too cold outside. ..... you close the door, please?
   a. Do b. Are c. Could d. Why don't
2. Can you fill ..... this form for me?
   a. out b. on c. in d. a and c
3. "May I help you?" ....." ¬
   a. What can I do for you? b. I'm afraid I'm busy now.
   c. Yes. That's very kind of you. d. How can I help?
4. Could you _____ me a favor?
   a. make b. do c. have d. get
5. Can/ you/ me/ math/ help/ problem/ with/ this, please?
   a. Can help you me with this math problem, please?
   b. Can you with help me this math problem, please?
   c. Can you help me with this problem math, please?
   d. Can you help me with this math problem, please?

LIVEWORKSHEETS